

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 26-6-2020.

V/v tranh chấp hôn nhân gia đình ly
hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Bích Thơ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Phú

Bà Võ Thị Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Không.

Trong ngày 26 tháng 6 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2020 về tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn, nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2020/QĐXX-ST ngày 11 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Mỹ C, sinh năm: 1979;

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn H, sinh năm: 1974;

Cùng nơi cư trú: Khóm A, thị trấn B, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/4/2020, các bản khai, biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử;

Nguyên đơn chị Phạm Mỹ C và bị đơn anh Nguyễn Văn H cùng trình bày:

Chị C và anh H, được gia đình mai mối, có tìm hiểu nhau một thời gian và không có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn ngày 14/10/2002, tại UBND thị trấn Thanh Bình, huyện Thanh Bình. Thời gian chung sống đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường hay cự cãi, ly thân từ năm 2018 đến nay. Về con chung có 01 người tên Nguyễn Phạm Ngọc T, sinh ngày 17/11/2005. Về tài sản chung không có. Về nợ chung không có nợ ai và cũng không ai nợ lại.

Nguyên đơn chị Phạm Mỹ C yêu cầu: Ly hôn với anh H, con chung yêu cầu nuôi dưỡng cháu Ngọc T, không yêu cầu cấp dưỡng cho con, tài sản và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn H yêu cầu: Trong thời gian chung sống thì giữa anh và chị C có xảy ra mâu thuẫn nhưng không trầm trọng, nên không thống nhất ly hôn với chị C, mong muốn hàn gắn lại sống để nuôi con. Về con chung không thống nhất theo yêu cầu của chị C, yêu cầu được quyền nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng, tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có.

Tại phiên tòa chị Phạm Mỹ C trình bày: Vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn từ lúc sinh con cho đến nay và đã ly thân hơn một năm nay, nhưng vẫn sống chung trong nhà. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do anh H làm bao nhiêu tiền thì lo ăn chơi, không phụ giúp kinh tế gia đình, vợ chồng thường hay cự cãi do anh H ghen tuông và đe dọa sẽ giết chị. Nên từ đó không thể chung sống với anh H, yêu cầu ly hôn với anh H, tài sản chung có 01 căn nhà gỗ xây dựng trên đất của cha mẹ chị C cho, không yêu cầu Tòa án giải quyết, để anh chị tự thỏa thuận, nợ chung không có, con chung yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu Ngọc T, không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn H trình bày: Do anh làm thợ hồ nên làm ngày nào xài ngày đó, cũng có phụ giúp cho vợ một số ít tiền làm được, việc vợ chồng mâu thuẫn là do anh phát hiện chị C ngoại tình, nên thường xuyên cự cãi và có báo chính quyền địa phương đang chờ xử lý. Nay chị C yêu cầu ly hôn anh không đồng ý do còn thương vợ, con chung yêu cầu nuôi dưỡng cháu Ngọc T, không yêu cầu chị C cấp dưỡng, tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có.

Tại phiên tòa người làm chứng là chị Phạm Thị Dung, sinh năm 1966 trình bày: Chị là chị ruột của chị C, nhà xác vách với chị C, chị C và anh H mâu thuẫn hơn năm nay, do anh H ăn chơi, tự ý bán xe của chị C làm ra, cách 1-2 ngày là vợ chồng cự cãi, do anh H nói chị C ngoại tình, nhưng thực tế chị C là người rất hiền, chăm làm lo cho chồng con, do không còn chịu đựng được nữa nên mới yêu cầu ly hôn và cam đoan lời khai là sự thật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1.] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh H, hiện nay đăng ký hộ khẩu thường trú khóm A, thị trấn Thanh Bình, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án nơi bị đơn cư trú, nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2.] Về quan hệ pháp luật: Chị C và anh H, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nay chị C yêu cầu ly hôn với anh H, yêu cầu nuôi con, nên phát sinh tranh chấp ly hôn và nuôi con chung. Tòa án thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về pháp luật áp dụng: Tranh chấp ly hôn, nuôi con, nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[2] **Về hôn nhân:** Hôn nhân giữa chị C và anh H là hoàn toàn tự nguyện và thực tế đã xảy ra, anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định, nhưng trong quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường hay cự cãi, nhưng anh chị và gia đình hai bên không tìm cách hàn gắn tình cảm. Xuất phát từ việc mâu thuẫn trong gia đình hai anh chị không cố gắng dung hòa, khắc phục, sửa đổi bản tính để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, chăm sóc con để các con có một gia đình hạnh phúc trọn vẹn. Chị C cương quyết ly hôn, anh H không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, hôn nhân là sự tự nguyện, không ai cưỡng ép hay ép buộc, cả hai phải tôn trọng, giúp đỡ, chăm sóc, giữ gìn hạnh phúc gia đình, để nuôi dạy con, nhưng giữa chị C và anh H không có sự gắn kết, không có tiếng nói chung, không tôn trọng nhau, mâu thuẫn trầm trọng, xung đột kéo dài, không thể hàn gắn được. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị C đối với anh H phù hợp và đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] **Về con chung:**

Trong thời gian chung sống anh chị có một người con chung tên Nguyễn Phạm Ngọc T, sinh ngày 17/11/2005. Chị C và anh H đều yêu cầu được nuôi cháu T, nên không thỏa thuận được việc ai là người trực tiếp nuôi con, sau khi ly hôn. Căn cứ bản khai ngày 29/4/2020 của cháu Ngọc T trình bày, nguyện vọng của cháu T sau khi cha mẹ ly hôn được sống với chị C vì là con gái. Để đảm bảo cho cháu T có cuộc sống ổn định, phát triển tốt, không gây ảnh hưởng về mặt tâm lý cho cháu khi cha mẹ ly hôn, ổn định việc học, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của cháu và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên sau khi ly hôn và phù hợp với nguyện vọng của cháu T.

Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị C giao cháu Nguyễn Phạm Ngọc T, sinh ngày 17/11/2005 cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị C không yêu cầu cấp dưỡng cho con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu T không ai được cản trở.

[4] **Về tài sản chung:** Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] **Về nợ chung:** Không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] **Về án phí:** Chị Phạm Mỹ C phải chịu án phí hôn nhân gia đình là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Mỹ C đối với anh Nguyễn Văn H, cho chị Phạm Mỹ C ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

2/ Về con chung: Chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị Phạm Mỹ C đối với anh Nguyễn Văn H.

Giao cháu Nguyễn Phạm Ngọc T, sinh ngày 17/11/2005 cho chị Phạm Mỹ C tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng cho cháu Ngọc T do chị Mỹ C không có yêu cầu cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn, anh H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Anh H không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị C có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của anh H.

3/ Về án phí: Chị Phạm Mỹ C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị C đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số BI/2019-0001884 ngày 29/4/2020, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, chị C không phải nộp thêm.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 26/6/2020).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình;
- Chi cục THA DS huyện Thanh Bình;
- Tòa án ND tỉnh Đồng Tháp;
- Cổng Thông tin Điện tử Tòa án;
- UBND thị trấn B, huyện Thanh Bình, Đồng Tháp;
- Lưu: VT/, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lý Thị Bích Thơ

